

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 17 - 01 - 2025

V/v “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC HÀ, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thào Seo Tòa

2. Ông Nguyễn Quang Hưng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Ngô Anh Chiến - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thúy Đ, năm sinh 1991

Địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện B, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt

2. *Bị đơn:* Anh Đặng Quang Đ, năm sinh 1989

Địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện B, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đặng Thúy Đ trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thúy Đ và anh Đặng Quang Đ tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 28/11/2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện B, tỉnh Lào Cai. Anh chị chung sống được mấy năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống cũng như làm ăn kinh tế, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Mâu thuẫn của anh chị đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả, hiện chị và anh Đ đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2024, từ đó không còn quan tâm đến nhau. Nay tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Đ không còn, cuộc sống vợ

chồng không hạnh phúc, chị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đặng Quang Đ.

- Về nuôi con khi ly hôn: Trong quá trình chung sống chị Đặng Thúy Đ và anh Đặng Quang Đ có 02 con chung: Cháu Đặng Ngọc T, sinh ngày 15/8/2009 và cháu Đặng Thị N, sinh ngày 21/10/2010, hiện các cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường. Khi ly hôn chị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được nuôi dưỡng cháu T, cháu N cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện chị Đ đang làm công việc tự do, thu nhập một tháng khoảng 8.000.000 đồng, đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung.

- Về quan hệ tài sản: Chị Đặng Thúy Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành đúng các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như: Thực hiện thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng, nhưng anh Đ không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án và vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được về quan hệ hôn nhân và nuôi con khi ly hôn giữa chị Đ và anh Đ. Khi Tòa án niêm yết và tổng đạt thủ tục đưa vụ án ra xét xử thì anh Đ gửi bản tự khai trình bày về mối quan hệ hôn nhân và con chung giữa anh và chị Đ, anh thừa nhận anh và chị Đ đã xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân; anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị Đ được ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Đặng Ngọc T, sinh ngày 15/8/2009, chị Đ nuôi dưỡng cháu Đặng Thị N, sinh ngày 21/10/2010 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Tại Biên bản lấy ý kiến của con chưa thành niên: Cháu Đặng Ngọc T có nguyện vọng được ở với anh Đ, cháu Đặng Thị N có nguyện vọng được ở với chị Đ.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:

+ Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn thực hiện chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo qui định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1,3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về hôn nhân: Giải quyết cho chị Đặng Thúy Đ được ly hôn với anh Đặng Quang Đ.

+ Về con chung: Giao chị Đặng Thúy Đ được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đặng Thị N, sinh ngày 21/10/2010, giao anh Đặng Quang Đ được

trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đặng Ngọc T, sinh ngày 15/8/2009 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Đặng Quang Đ và chị Đặng Thúy Đ không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản: Không đề nghị giải quyết.

+ Về án phí và quyền kháng cáo: Tuyên theo qui định Pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm pháp luật: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Đặng Thúy Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con khi ly hôn đối với anh Đặng Quang Đ có địa chỉ tại Thôn M, xã N, huyện B, vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Bắc Hà theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án nguyên đơn đã nhận và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải nhưng vắng mặt không có lý do. Sau khi Tòa án tổng đạt và niêm yết thủ tục đưa vụ án ra xét xử thì nguyên đơn, bị đơn đều có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định tại khoản 1,3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Đặng Thúy Đ và anh Đặng Quang Đ là hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, chị Đ và anh Đ đều thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống của anh chị không hạnh phúc, hiện anh chị đã sống ly thân nên việc đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn là có căn cứ, nhưng tại phiên tòa anh Đ và chị Đ đều vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy: Tình trạng hôn nhân giữa chị Đ và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần được chấp nhận. Quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh Đ chấm dứt kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về nuôi con khi ly hôn: Trong quá trình chung sống chị Đặng Thúy Đ và anh Đặng Quang Đ có 02 con chung: Cháu Đặng Ngọc T, sinh ngày 15/8/2009 và cháu Đặng Thị N, sinh ngày 21/10/2010, các cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường. Sau khi ly hôn chị Đ đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi dưỡng cháu T, cháu N; anh Đ đề nghị Tòa án giải quyết cho

anh được nuôi dưỡng cháu T, chị Đ được nuôi dưỡng cháu N cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Xét về khả năng và điều kiện kinh tế, cũng như căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, thì chị Đ và anh Đ đều có đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung, hiện anh chị có hai con chung, cháu T có nguyện vọng ở với anh Đ, cháu N có nguyện vọng ở với chị Đ, nên cần giao con chung cho chị Đ và anh Đ cùng có trách nhiệm nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là có căn cứ, phù hợp với khoản 1, 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 1,3 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đặng Thúy Đ và anh Đặng Quang Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nghĩa vụ chịu án phí: Chị Đặng Thúy Đ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1,2 Điều 81, khoản 1,3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1,3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đặng Thúy Đ và anh Đặng Quang Đ. Quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh Đ chấm dứt kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con khi ly hôn: Giao cháu Đặng Ngọc T, sinh ngày 15/8/2009, cho anh Đặng Quang Đ được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Giao cháu Đặng Thị N, sinh ngày 21/10/2010, cho chị Đặng Thúy Đ được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi; anh Đặng Quang Đ và chị Đặng Thúy Đ không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ chịu án phí: Chị Đặng Thúy Đ phải chịu: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003858 ngày 14/10/2024 của Chi cục Thi

hành án dân sự huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai. Chị Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bắc Hà (2);
- CCTHADS huyện Bắc Hà;
- UBND xã N;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã Ký và đóng dấu)**

Nguyễn Thị Thu Hương

